

## GIÁ TRỊ BIỂU TRƯNG CỦA TRẦU CAU TRONG CA DAO TÌNH YÊU VỚI TRUYỀN THÔNG VĂN HOÁ CỦA NGƯỜI VIỆT

PGS.TS ĐỖ VIỆT HÙNG  
LÊ THỊ MINH

1. Một lẽ tự nhiên, khi nói đến thiên nhiên đất nước Việt Nam, xứ sở bốn mùa cây trái xanh tươi, cuộc sống mang đậm bản sắc của nền văn hóa nông nghiệp lúa nước, không thể không nhắc đến cỏ cây hoa lá. Thực vật xuất hiện trong ca dao tình yêu với số lượng lớn từ những cây cỏ gắn với cuộc sống đời thường như *lúa, ngô, khoai, sắn, lạc, đỗ, rau cần, rau răm, rau cải, mồng tơi, mướp...* đến loài cây được coi là đài các, thanh quý như *tùng, cúc, trúc, mai, liễu, đào, lan...* Khảo sát *Kho tàng ca dao người Việt* do các tác giả Nguyễn Xuân Kính và Phan Đăng Nhật chủ biên [4], phần ca dao tình yêu chúng tôi thống kê có 234 loài thực vật được nhắc đến cùng thế giới của những người yêu nhau.

Cây gắn bó với đời sống sinh hoạt thường ngày của con người. Ngoài ra, cây cũng xuất hiện cả trong tín ngưỡng, phong tục tập quán. Trên thế giới và ở nước ta cũng có rất nhiều dân tộc có phong tục thờ cây, thần cây. Chẳng hạn tục thờ thần cây đa của người Việt, tục thờ cây si của người

Mường, người H' Mông thì thờ cây tre, cây mai, người Xơ Đăng thờ thần lúa... “Nếu như đối với loài vật, người Việt tôn vinh tứ linh (Long, Ly, Quy, Phượng) thì trong thế giới cây cỏ họ đã tôn vinh tứ quý; cây hoa mai biểu tượng của tính hồn nhiên; cây hoa lan biểu tượng của sự thanh khiết, cây hoa cúc biểu tượng của sự thanh nhàn, ẩn dật; cây trúc biểu tượng của tính cách cứng rắn, quân tử” [5, 108]. Có thể thấy sự chọn lựa các loại cây khác nhau trong việc thờ cúng và biểu trưng phản ánh văn hóa nhận thức của từng dân tộc. Do vậy, khi bàn đến các giá trị văn hoá không thể không nhắc đến giá trị biểu trưng và việc đi tìm giá trị biểu trưng sẽ giúp chúng ta đi đến tận cùng của cội nguồn của văn hoá, tinh thần của một cộng đồng. Xuất phát từ điều này chúng tôi thử đi tìm hiểu giá trị biểu trưng của *trầu cau* - hai loại cây phổ biến của làng quê Việt như một cách tìm đến văn hóa của con người Việt Nam. Theo Nguyễn Đức Tồn thì “Biểu trưng là cách lấy một sự vật, hiện tượng nào đó để biểu hiện có tính chất tượng trưng, ước lệ



một cái gì đó khác mang tính trừu tượng. Đó là hiện tượng khá phổ biến và quen thuộc đối với các dân tộc và phản ánh quan niệm “ngây thơ”, dân gian của mỗi tộc người đôi khi được cố định hóa trong ngôn ngữ. Khi một sự vật, hiện tượng có giá trị biểu trưng thì nó (và kèm theo tên gọi của nó) sẽ gọi lên trong ý thức người bản ngữ sự liên tưởng khá bền vững” [7, 404].

2. *Trầu* và *cau* xuất hiện trong ca dao tình yêu với tần số lớn nhất so với các loại cây cỏ khác: *trầu* 376 lần, *cau* 130 lần. *Cau*, *trầu* xuất hiện với những biến thể kết hợp như: *cau xanh*, *cau khô*, *trầu vàng*, *trầu xanh*, *miếng trầu*, *trầu tằm cánh phượng*, *trầu phú*, *trầu quý*, *trầu túi*, *trầu khăn*, *trầu quế*, *trầu hôi*, *trầu loan*, *trầu phượng*, *trầu tình*... Người ta vẫn luôn đặt hai loại cây này cạnh nhau bởi phải có sự kết hợp của lá trầu quả cau mới tạo thành miếng trầu thắm đỏ. Và sự hòa quyện thắm đỏ ấy mới tạo nên giá trị biểu trưng đầy đủ. Với người Đông Nam Á cổ nói chung và người Việt cổ nói riêng, cây cau, giàn trầu là loại cây được trồng phổ biến để lấy lá, lấy quả. Thân cau có thể dùng để làm cột nhà, làm cầu, mo cau dùng để làm quạt, để lợp mái nhà. Hạt cau chữa chứng đầy bụng, bí tiểu, sốt rét. Vỏ cau có tác dụng làm sạch răng miệng. Trong Đông y, từ lâu người ta phát hiện ra lá trầu có chứa chất kháng sinh nên dùng để vệ sinh, chống viêm nhiễm. Phụ nữ xưa còn ăn trầu như một cách để làm đẹp vì ăn trầu khiến môi đỏ, má hồng. Ngoài ra với người xưa “trầu, cau, vôi đều là sản

phẩm sơn lâm, là đồ ăn có từ sớm, gắn liền với việc chống rét của người Việt” [2, 55].

Trong truyền thống văn hóa của người Việt *trầu cau* còn có ý nghĩa vô cùng quan trọng. Với tục thờ cúng, dù đơn giản hay mâm cao cỗ đầy, nhất thiết khi bái vọng tổ tiên không thể thiếu lá trầu, quả cau. Việc dựng vợ gả chồng cũng vậy. Sính lễ dù cao sang hay nghèo khó cũng không thể thiếu buồng cau. Chính vì thế trong tình yêu trầu cau trở thành một dấu hiệu của hôn nhân, hạnh phúc lứa đôi:

*Được như lời nói em ơi*

*Anh về giết lợn, đồ xôi, mổ gà*

*Rượu vò trăm bảy mươi ba*

*Cau non đếm quả, trầu già đếm  
trăm*

*Cưới em đôi hoãn, đôi trăm*

*Mười chín thước lụa, mười lăm  
quan tiền*

*Bạc thời chín nén cho nguyên*

*Vàng thời vàng khối kết nguyên  
cho cao.*

[Đ1022]

*Anh ơi anh hãy mau mau*

*Buồng cau con lợn cưới nhau  
cho rồi.*

[A435]

Một lá trầu xanh cuộn lại, một miếng cau *tiện chũm lòng đào*, một chút vôi trắng, thêm một miếng vỏ chay vậy là thành một miếng trầu thắm đỏ. *Miếng trầu* trong văn hóa



giao tiếp của người Việt là *đầu câu chuyện*. Trong chuyện tình yêu nó cũng trở thành vật đưa đẩy mở đầu cho những mối nhân duyên:

*Đến nơi mời bạn vô nhà*

*Trầu tèm thuốc hút, trái chiếu  
hoa bạn ngời*

*Xong xuôi em mới ngó đôi lời.*

[Đ511]

*Già đòi xin một miếng trầu*

*Để sau xẻ ván bắc cầu mà sang.*

[Gi13]

*Miếng trầu ăn rọc ai tèm*

*Miếng cau ai bỏ mà nên vợ chồng.*

[M263]

Chính vì miếng trầu mang ý nghĩa thiêng liêng, gắn với hôn nhân do vậy cầm miếng trầu đồng nghĩa với chấp nhận lời ngỏ ý. Cha mẹ cô gái nào mà nhận trầu của chàng trai thì cũng đồng nghĩa với việc chấp nhận cho nhà trai tiến hành hôn lễ:

*Thương ai em nói khi đầu*

*Để cho thầy mẹ ăn trầu một nơi*

*Ăn trầu người ta như chim mắc*

nhờ

câu.

*Uống rượu người ta như cá mắc*

[Th573]

*Em có thương anh, anh mới dám  
đón ngấn*

*Em có thương anh, anh mới dám  
mở khăn ăn trầu*

*Thương nhau vì bởi miếng trầu*

*Em trao anh bắt, tận đầu ngón  
tay...*

[E25]

*Miếng trầu ăn ngọt như đường*

*Đã ăn lấy của phải thương lấy  
người.*

[M270]

Do vậy, khi được một chàng trai lạ mời trầu, cô gái đoan trang, phép tắc đều chối từ:

*Miếng trầu của đáng là bao*

*Chẳng ăn cầm lấy cho nhau  
bằng lòng*

*Thưa rằng: bác mẹ em răn*

*Làm thân con gái chớ ăn trầu người.*

[M271]

Nhưng lỡ ăn rồi thì lòng lo lắng không yên:

*Lỡ khi ăn miếng trầu xanh*

*Đêm ngày lo sợ mặt xanh như chàm.*

[L384]

*Gặp nhau đưa một miếng trầu*

*Chẳng ăn cầm lấy cho nhau bằng  
lòng*

*Miếng trầu đã nặng như chì*

*Ăn thì đã vậy lấy gì trả ơn.*

[G93]

Trầu cau không thể thiếu vắng trong phong tục cưới xin của người Việt vì thế miếng trầu mang nặng giá trị biểu trưng cho tình yêu đôi lứa. Mượn *trầu cau* để trao lời ngỏ ý chính là một cách mà những chàng



traí cô gái trong ca dao xưa vẫn dùng để nói thay cho lời tỏ tình đầy tế nhị của mình:

- *Đêm khuya thiếp mới hỏi chàng*

Cau xanh ăn với trầu vàng xứng  
chàng?

- Trầu vàng nhá lẫn cau xanh

Duyên em sánh với tình anh tuyệt  
vời.

[Đ330]

- *Mình về ngoài ấy mau vô*

Cho anh sắm sửa cau khô để dành

- Cau khô anh bỏ để dành

Bao giờ cau có trầu xanh mới về.

[M354]

Chẳng có lời tỏ tình nào lại ý nhị và chân thành như lời của cô gái trong bài ca dao sau:

*Anh về cuộc đất trồng cau*

Cho em trồng ké dây trầu một bên

Mai sau trầu nọ lớn lên

Cau kia ra trái làm nên cửa nhà.

[A536]

Không có từ nào nói đến chuyện yêu đương, cưới hỏi nhưng câu ca dao rõ ràng đang hàm chứa đầy đủ những ý nghĩa đó. Cô gái tế nhị gửi lời: “*Anh về cuộc đất trồng cau*”. Sao lại là trồng cau chứ không phải là trồng một thứ cây nào khác như khoai, ngô, sắn... những thứ cây quen thuộc của nhà nông? Thì ra là có nguyên do của nó, bởi thứ cây mà cô gái muốn trồng ghé một bên là “*dây trầu*”. Theo

một lẽ hợp tình thì cây dây leo như trầu cần một thứ cây thân thẳng như cau làm chỗ tựa nương. Và còn hợp tình hơn nữa là có *cau* thì phải có *trầu*. Thế nên, mạch logic mới phát triển đến cái đích là:

*Mai sau trầu nọ lớn lên*

Cau kia ra trái làm nên cửa nhà.

Chính cái ý nghĩa đã tiềm ẩn trong tâm thức mỗi người dân Việt từ bao lâu nay về giá trị biểu trưng của quả cau, lá trầu mà chàng trai, cô gái nào cũng có thể mượn chúng để gửi trao một lời tỏ tình thật dễ dàng, tế nhị mà cũng thật chân tình. Tế nhị bởi không phải nói thẳng cái điều khó nói, và chân tình vì nó xuất phát từ tình yêu với cái đích rất rõ ràng: tình yêu gắn với hôn nhân.

Câu chuyện *Trầu cau* trong tích dân gian với sự sát son của tình chồng vợ, sự nồng hậu của nghĩa anh em được chuyển hóa vào ca dao tình yêu khiến miếng trầu trở thành biểu tượng của tình yêu thủy chung như sắc thắm của lá trầu quả cau và vôi trộn lẫn:

*Đôi ta từ lúc gặp nhau*

Tình yêu gắn bó như cau với trầu

Những đêm trăng sáng canh thâu

Chi mong được bắc nhịp cầu

Ngân Giang

Cùng nhau chung gối chung màn

Để đôi ta được phi nguyện ước ao.

[Đ831]

*Gọi là chút nghĩa trầu vàng*

Xin em giữ gìn chung thủy, chớ  
phụ phàng qua chi.

[G139]



*Đôi tay nâng lấy coi trầu*

Miếng trầu không là vợ, miếng cau là chồng.

[Đ842]

Không phải ngẫu nhiên trong truyện cổ tích *Tám Cám* tác giả dân gian lại để cho nhà vua và Tám nhận ra nhau nhờ miếng trầu tèm cánh phượng. Sau biết bao lần hóa thân đấu tranh với cái ác để giành lấy sự sống, Tám trở về trong hình hài ngày càng xinh đẹp lại chăm chỉ, đảm đang với miếng trầu tèm cánh phượng. Miếng trầu là một biểu trưng cho tình chồng vợ thủy chung với sự khéo léo, nét na của người con gái. Chính điều đó đem lại hạnh phúc cho Tám chứ không phải chỉ là sự hỗ trợ của những thể lực siêu nhiên.

*Gặp nhau đây là ngãi đá vàng*

Miếng trầu kết ngãi đa mang sự tình.

[G92]

Từ điển biểu tượng văn hóa thế giới còn một cách lí giải nữa khi nói về miếng trầu: “một số miếng trầu thậm chí là bùa ngải yêu đương. Biểu tượng này hẳn do sự hòa quyện thực sự của các yếu tố tạo thành miếng trầu” [1, 945]. Ý nghĩa này chuyển hóa vào ca dao tình yêu của người Việt cũng vẫn còn giá trị:

*Từ ngày ăn miếng trầu trao*

*Miếng ăn môi thắm ngày nào cho quên.*

[T511]

*Từ khi ăn một miếng trầu*

*Miếng ăn, môi đỏ, dạ sầu tương tư*

[B323]

Chỉ có điều cái thứ bùa ngải mà ca dao tình yêu muốn nói tới không phải là một thứ bùa thiêng chứa đựng những yếu tố kì bí, thần thánh. Sức quyến rũ, mê hoặc của miếng trầu là sức quyến rũ của tình yêu và hạnh phúc được hàm chứa trong hình ảnh lá trầu quả cau.

*Miếng trầu thật tay em tèm*

*Trầu phú, trầu quý, trầu nên vợ chồng*

*Trầu này khấn nguyện tơ hồng*

*Trầu này kết nghĩa loan phòng từ đây.*

[M281]

*Trầu này trầu quế, trầu hồi*

*Trầu loan trầu phượng, trầu tôi trầu mình*

*Trầu này trầu tính trầu tình*

*Trầu nhân trầu ngãi, trầu mình lấy ta*

*Trầu này tèm tới hôm qua*

*Giấu cha giấu mẹ, đem ra cho chàng*

*Trầu này không phải trầu hàng*

*Không bùa không thuốc, sao chàng không ăn?*

*Hay là chê khó chê khản*

*Xin chàng đứng lại mà ăn miếng trầu!*

[Tr278]



3. Ca dao dân ca đã mở cho ta một lối về với thế giới tâm hồn của người Việt. Thật vậy, chỉ qua một miếng trầu nhỏ bé mà gợi mở bao ý nghĩa sâu xa: trầu cau là tín hiệu của hôn nhân, trầu cau là biểu trưng cho tình yêu và sự chung thủy. Do vậy miếng trầu được mượn để thay cho lời ngỏ ý. Gắn với hạnh phúc lứa đôi nên miếng trầu có sức mê hoặc như một thứ bùa ngải. Không thể biết được những giá trị biểu trưng của miếng trầu mà ngày nay chúng ta lĩnh hội được đã có từ bao giờ. Chỉ biết rằng qua những câu ca dao tình yêu, qua những phong tục tập quán, qua câu chuyện cảm động về tích trầu cau ta càng hiểu tâm hồn người Việt phong phú, sâu sắc và biết bao ý nhị, chân thành. Cuộc sống ngày càng phát triển với những đổi thay nhưng những giá trị văn hóa tốt đẹp của tâm hồn Việt Nam thì sẽ vĩnh hằng cùng năm tháng. Lá trầu, quả cau là những thứ như thế, nó sẽ vẫn hiện hữu để cùng đôi lứa yêu nhau muôn đời xây dựng hạnh phúc lứa đôi.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. *Jean Chevalier, Alain Gheerbrant, Từ điển biểu tượng văn hóa thế giới, Nxb Đà Nẵng - Trường viết văn Nguyễn Du, 2002.*

2. *Nguyễn Bích Hà, Chuyên đề “ Nghiên cứu văn học dân gian từ mã văn hóa dân gian”, ĐHSP Hà Nội, 2008.*

3. *Vũ Thị Thu Hương (Tuyển chọn), Ca dao Việt Nam - Những lời bình, Nxb Văn hóa Thông tin, 2007.*

4. *Nguyễn Xuân Kinh - Phan Đăng Nhật (Chủ biên), Kho tàng ca dao người Việt (Bốn tập), Nxb Văn hóa Thông tin, H., 1995.*

5. *Nguyễn Minh San, Tiếp cận tín ngưỡng dân dã Việt Nam, Nxb Văn hóa Dân tộc, 1998.*

6. *Trần Ngọc Thêm, Cơ sở văn hóa Việt Nam, Nxb GD, H., 1999.*

7. *Nguyễn Đức Tồn, Đặc trưng văn hóa - dân tộc của ngôn ngữ và tư duy, Nxb Từ điển Bách khoa, 2010.*